TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-03-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Biện Hữu Tấn và bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST/HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Phạm Quang D, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-10-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Định Quán, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02-3-2004.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D đi làm ăn xa, không về nhà, có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay

chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh D nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quang D.

Về con: Theo chị N, chị và anh D có 02 người con chung Phạm Quang Đ, sinh ngày 19-10-2004 và Phạm Thị Ánh N, sinh ngày 02-6-2012, hiện nay các con chung đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Ánh N, sinh ngày 02-6-2012, không yêu cầu anh Phụng cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Phạm Quang Đ, sinh ngày 19-10-2004 đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo chị N, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị N, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa, nên chị N đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Phạm Quang D mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh D, kết quả xác minh như sau:

Tại biên bản xác minh đối với bà Nguyễn Thị Đ1 là mẹ ruột của anh D, bà cho biết như sau: Anh D và chị N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại xã Phú Tân. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Phú Tân đến năm 2008 thì chuyển về Phú Vinh sinh sống đến nay.Trong thời gian chung sống không rõ vợ chồng có mâu thuẫn gì hay không, nhưng vài năm gần đây không thấy vợ chồng liên lạc với nhau, chăm sóc lẫn nhau. Chị N và anh D có 02 người con chung cháu Đ và cháu N, hiện các cháu đang sống cùng chị N.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạtcác văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Quang D. Về con: Đề nghị giao con chung Phạm Thị Ánh N, sinh ngày 02-6-2012 cho chị N nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu. Đối với con chung

Phạm Quang Đ, sinh ngày 19-10-2004 đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân chị N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Quang D, vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh D có nơi cư trú tại: Khu dân cư 2, ấp Suối Soong 1, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh D, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D xác lập ngày 02-3-2004 (thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Phú Tân, huyện Định Quán, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02-3-2004. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn chị N yêu cầu ly hôn với lý do anh D đi làm ăn xa, không về nhà, có người phụ nữ khác bên ngoài. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị N, anh D đã không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị N và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh D là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn anh D, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạthợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, từ bỏ quyền của

đương sự; điều này cũng thể hiện, anh D không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị N.

[7] Về con chung: Chị N và anh D có 02 người con chung Phạm Quang Đ, sinh ngày 19-10-2004 và Phạm Thị Ánh N, sinh ngày 02-6-2012, các con chung đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Ánh N, sinh ngày 02-6-2012, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con, mong muốn được sống cùng mẹ. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị N, về việc được nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị N không yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Phạm Quang Đ, sinh ngày 19-10-2004 đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 11, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Phạm Quang D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Quang D.

2. Về con: Giao con chung Phạm Thị Ánh N, sinh ngày 02-6-2012 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Đối với con chung Phạm Quang Đ, sinh ngày 19-10-2004 đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân chị N không có yêu cầu nên không xem xét.

Anh Phạm Quang D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003922 ngày 14-11-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị N đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Tân (GCNKH số 23/2004, ngày 02-3-2004) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường